

ĐINH GIA KHÁNH. Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô Hà Nội. H.: Hà Nội, 2008, 656 tr., Vb 46132.

Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội là một trong những thủ đô cổ nhất của vùng Đông Nam Á. Chặng đường của lịch sử dân tộc Việt Nam được phản ánh khá rõ nét qua lịch sử của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Kho tàng văn hóa dân gian Việt Nam được phong phú hơn cũng bởi sự góp mặt của mảng văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Kho tàng văn hóa dân gian phong phú đó giúp ta hiểu được thiên nhiên của đất nước và tâm hồn, tình cảm cũng như những quan niệm về cái đẹp và cuộc sống của nhân dân trong quá khứ.

Kế thừa những thành tựu của các công trình nghiên cứu trước; tham khảo nhiều tư liệu cũ; bổ sung chỉnh sửa các tư liệu và cứ liệu lịch sử chưa được chính xác trước đây, tác giả cuốn sách đã dựng nên bức tranh tổng quát, mô tả diện mạo kho tàng văn hóa dân gian của Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội; giới thiệu khá toàn diện và có hệ thống về đất nước – con người – cùng các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật của Hà Nội từ ngàn xưa đến nay dưới góc nhìn của khoa học nghiên cứu văn hóa dân gian. Đó là: ca dao, tục ngữ; truyện dân gian; ca múa nhạc dân gian; trò chơi, trò diễn dân gian; lễ thức và phong tục; kiến trúc và điêu khắc; các nghề thủ công mỹ nghệ dân gian; và các danh nhân văn hóa của đất Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội. Qua đó cho thấy rõ những truyền thống, những nét đẹp văn hóa, lịch sử và sự vận động của dòng văn hóa dân gian thủ đô cũng như những đặc điểm cơ bản của văn hóa dân gian Thăng

Long – Đông Đô - Hà Nội (theo dòng chảy thời gian lịch sử, phạm vi bao quát toàn diện và hội tụ nhiều chất liệu, nhiều tinh hoa của các vùng miền trong cả nước.

Ngoài lời nhà xuất bản, lời giới thiệu và tổng luận “Địa chí văn hóa dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội”, nội dung chính của sách được kết cấu thành 9 chương tương ứng với từng mục của văn hóa dân gian. Và phần cuối cuốn sách là tài liệu tham khảo chính (sách, tài liệu chữ Việt, chữ Hán và chữ Pháp...).

HẠ VÂN

INRASARA. Văn hóa – xã hội Chăm – nghiên cứu và đối thoại. H.: Văn học, 2008, 471 tr., Vb 46006.

Cuốn sách phản ánh văn hóa-xã hội Chăm với các vấn đề nảy sinh những năm gần đây trước bối cảnh toàn cầu hóa; nhấn mạnh vào sáng tạo, gợi mở và gợi hứng sáng tạo văn học-nghệ thuật cho những ai quan tâm tìm hiểu về miền văn hóa với những bản sắc rất riêng ấy; đồng thời tác giả cũng đưa ra những quan điểm riêng của mình về văn hóa – xã hội Chăm để bạn đọc cùng suy ngẫm.

Thông qua giới thiệu những nét sơ lược về văn hóa, ngôn ngữ, văn học Chăm; tác giả đem đến cho bạn đọc cái nhìn tổng quát hơn về tri thức, về bản sắc văn hóa của người Chăm hôm nay, con người và những phong tục, tập quán, thói quen, những lễ hội dân gian giàu bản sắc riêng và mang nhiều yếu tố trình diễn,... Ngoài ra, tác giả còn khái quát tình hình nghiên cứu văn hóa – nghệ thuật Chăm với những tác giả

tên tuổi và những công trình tiêu biểu trong các lĩnh vực mỹ thuật, sáng tác văn chương, ca-múa-nhạc... Đặc biệt, tác giả đi sâu nghiên cứu văn học Chăm với chân dung các nhà văn, những thành tựu về sưu tầm và nghiên cứu trong văn học dân gian, văn bia kí, văn học viết, nghiên cứu và phê bình văn học... Tình hình sáng tác văn chương Chăm hiện nay cũng được đề cập với các yếu tố như: Sự chuyển dần từ sáng tác bằng tiếng Chăm sang tiếng Việt; những khó khăn mà các nhà văn đang gặp phải...

Cuối sách, tác giả phác họa một vài nét về những mặt trái còn tồn tại trong hiện thực cuộc sống của cộng đồng người Chăm, đi tìm nguyên nhân và đề xuất một số giải pháp.

TRUNG HẬU

VŨ DUY PHÚ (chủ biên). **Xã hội dân sự – một số vấn đề chọn lọc**. H.: Tri thức, 2008, 363 tr., Vb 46268.

Xã hội dân sự (XHDS) là một đề tài vừa cổ điển, lại vừa rất thời sự. Nó cổ điển bởi ngay từ thời cổ đại Hy Lạp người ta đã bàn tới khái niệm này. Còn tính thời sự của nó thể hiện ở sự trở lại của những tranh luận về vấn đề này từ giữa thế kỷ XX khi cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới bắt đầu bùng nổ và xuất hiện dần nền kinh tế tri thức. Còn ở Việt Nam, *XHDS là một vấn đề mới mẻ với phần lớn người dân, kể cả các nhà khoa học*. Nó mới mẻ ngay từ tên gọi đến cách hiểu nội hàm, vai trò... Từ khi nước ta thực hiện “Đổi mới”, việc đề cao vai trò của XHDS đã trở thành một thực tế – một vấn đề thời sự. “Đổi mới” chính là sự chuyển đổi mô hình XHCN mà trong đó mọi trách nhiệm đều dồn cho Nhà nước. Điều đó cũng có nghĩa là trả lại cho XHDS những vai trò vốn có của nó, kể từ kinh doanh, công nghệ, thương mại-dịch vụ,

đến mở trường dạy học, mở phòng khám bệnh.... trong trường hợp này, XHDS không phải là cái gì đối lập, đối kháng với Nhà nước, mà là những lực lượng xã hội hoạt động trong hành lang pháp lý do nhà nước ấn định, cùng nhà nước chăm lo cho phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân. Nội dung sách gồm 5 chương.

Chương I: *Lịch sử hình thành và những khái niệm cơ bản của XHDS*.

Chương II: *XHDS trong bối cảnh phát triển của thế giới*.

Chương III: *Tình hình và đặc điểm của XHDS ở Việt Nam – những mặt tích cực và các vấn đề cần hoàn thiện*.

Chương IV: *Thế giới hiện nay và trong tương lai từ một góc nhìn của người dân – XHDS*.

Chương V: *Phát triển XHDS thông thái tương xứng với nhà nước pháp quyền hiện đại là nhiệm vụ quan trọng của Việt Nam trong thế kỷ XXI*.

HÒA AN

PHẠM TOÀN. **Hợp lưu các dòng tâm lý học giáo dục (tiểu luận chuyên đề)**. H.: Tri thức, 2008, 616 tr., Vb 46136.

Nhằm mục đích "chia sẻ một định hướng lý thuyết tâm lý học giáo dục đã được thể hiện trên một thực thể giáo dục ở Việt Nam 30 năm nay – Hệ thống công nghệ giáo dục"; tác giả cuốn sách đã dựng lại con đường phát triển của tâm lý học bên trong dòng chảy lịch sử của nó; Khái quát lại hướng đi và cách làm để có được thành tựu trong thời gian qua trong nền giáo dục của Việt Nam; Làm rõ những điều cốt lõi để hiểu và giúp trẻ em phát triển tốt nhất.

Bên cạnh đó, tác giả đi sâu phân tích lý thuyết tâm lý học làm nền cho hệ thống trường học có tên *Công nghệ giáo dục* với ba mẫu thực thi cụ thể là dạy

các môn thuộc đối tượng khoa học (toán và ngôn ngữ), đối tượng nghệ thuật (văn) và dạy đạo đức (tổ chức lối sống cho trẻ em); Đồng thời lý giải cho điều rằng công nghệ giáo dục là sản phẩm khoa học tất yếu của lịch sử, là kết quả phát triển logic tất yếu trong tư tưởng và thực tiễn tâm lý học giáo dục.

Ngoài Lời nói đầu, Lời dẫn và Thay lời kết, nội dung sách được chia thành ba phần.

Phần thứ nhất – Những nhà kinh điển trong tâm lý học giáo dục (chương 1-5)-, tổng hợp sự đóng góp của ba nhà kinh điển W. M. Windt, E. L. Thorndike và J. Piaget – với kết quả trực tiếp là đã đưa tâm lý học thành một khoa học, đưa tâm lý học dạy học thành công cụ đấu tranh chống lại hệ thống Thầy giảng giải – Trò ghi nhớ.

Phần thứ hai – Mấy nét tâm lý học giáo dục nửa sau thế kỷ XX (chương 6-12)-, tập trung làm rõ những cái mới trong nền tâm lý học giáo dục đương đại và chứng tỏ việc trở lại với Jean Piaget vẫn là căn cốt trong sự nghiệp tâm lý học trẻ em.

Phần thứ ba – Chốn hợp lưu các dòng tâm lý học giáo dục: công nghệ giáo dục (chương 13-18)-, phân tích làm rõ sự thể hiện của Hệ thống công nghệ giáo dục và nguyên lý của nó cũng như thành tựu thực tiễn của nó theo định hướng tâm lý học giáo dục mới trong hệ thống giáo dục Thầy tổ chức – Trò hoạt động.

PHẠM VŨ

LÊ BẠCH DƯƠNG – KHUẤT THU HỒNG (chủ biên). **Di dân & Bảo trợ xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ sang kinh tế thị trường**. H.: Thế giới, 2008, 260 tr., Vb 46256.

Cuốn sách tập trung trả lời cho câu hỏi: Quá trình đổi mới kinh tế được thực

hiện giữa thập kỷ 80 đã tạo ra các cơ hội và rủi ro gì cho người di cư và đặt ra những vấn đề gì đối với các chính sách và thiết chế hiện thời? Trên cơ sở sử dụng nguồn dữ liệu phân tích được lựa chọn và tổng hợp từ các nghiên cứu trong 10 năm qua của mình, các tác giả đã từng bước phân tích và giải quyết nội dung cuốn sách theo 7 chương chính.

Chương 1 và II giới thiệu và trình bày tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về ảnh hưởng của những thay đổi kinh tế chính trị đối với di dân ở Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.

Chương III thảo luận về các thay đổi cơ bản mà quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nhà nước quản lý tập trung sang nền kinh tế thị trường trong mối quan hệ mâu thuẫn với các chương trình bảo trợ xã hội, tạo ra những rủi ro và thương tổn cao cho một số nhóm xã hội. Chương này chú trọng vào các kinh nghiệm của người di cư nông thôn-đô thị làm việc tại khu vực kinh tế phi chính thức tại các trung tâm đô thị lớn.

Chương IV phân tích mối quan hệ giữa di cư và sức khỏe dưới nhiều chiều cạnh trong quá trình chuyển đổi kinh tế, trong đó tập trung vào tác động của di cư không chỉ đối với sức khỏe của người di cư mà cả các thành viên trong gia đình họ và rộng hơn là cả cộng đồng.

Chương V và VI đề cập đến những rủi ro và thương tổn của người lao động xuất khẩu sang thị trường Đài Loan và việc di cư của phụ nữ nghèo từ các tỉnh ở Việt Nam sang Trung Quốc để tìm việc và lấy chồng người Trung Quốc.

Chương VII đưa ra các kết luận về những thách thức chính mà vấn đề di cư đang đặt ra cho công tác hoạch định và thực thi chính sách trong nỗ lực tăng trưởng đi kèm với bình đẳng và ổn định xã hội.

HÀ CHI

NGUYỄN DUY DŨNG (chủ biên). **Đào tạo & quản lý nhân lực (Kinh nghiệm Nhật Bản, Hàn Quốc và những gợi ý cho Việt Nam)**. H.: Từ điển Bách khoa, 2008, 219tr., Vb 46062.

Sau chiến tranh thế giới thứ Hai, nhiều nước Đông Bắc Á từ chỗ bị tàn phá nặng nề và tài nguyên nghèo nàn đã vươn lên trở thành những con rồng, con hổ, đặc biệt là các nước Nhật Bản và Hàn Quốc. Kỳ tích kinh tế của các nước này có được một phần là nhờ hiệu quả chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Điều này thể hiện rõ từ việc xây dựng mục tiêu, tập trung kinh phí, tổ chức hệ thống giáo dục tiên tiến, áp dụng các chế độ đào tạo sử dụng và quản lý có hiệu quả trong các doanh nghiệp... của những nước này. Cuốn sách cung cấp cho độc giả một cách nhìn toàn diện và đầy đủ về chiến lược phát triển nguồn nhân lực của các nước này nói chung, các công ty nói riêng từ thực trạng đến các hình thức cụ thể, những biến đổi của nó..., từ đó rút ra những kinh nghiệm của Nhật Bản và Hàn Quốc có thể gợi ý áp dụng cho trường hợp Việt Nam.

Sách gồm 4 chương.

Chương I luận giải một số lý thuyết về phát triển nguồn nhân lực doanh nghiệp. Các tác giả nêu rõ vai trò của sự phát triển nguồn nhân lực doanh nghiệp và khẳng định tầm quan trọng của quản lý nhân lực và phát triển nhân lực, trong đó có dẫn chứng thực tiễn.

Chương II và III phân tích thực tiễn việc đào tạo, sử dụng và quản lý nhân lực tại các công ty của Nhật Bản và Hàn Quốc, qua đó nêu lên một số kinh nghiệm chủ yếu trong công tác này tại Nhật Bản và Hàn Quốc.

Chương IV trên cơ sở phân tích thực trạng nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay,

các tác giả đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam từ kinh nghiệm của Nhật Bản và Hàn Quốc trong việc đào tạo, sử dụng, quản lý nhân lực trong công ty hiện nay.

KHÁNH CHI

DANIEL BURSTEIN & ARNE DE KEIJZER. **Trung Quốc con rồng lớn châu Á**. (Người dịch Minh Vi). H.: Từ điển bách khoa, 2008, 604 tr., Vv 8304.

Trung Quốc là nước láng giềng của Việt Nam, có số dân đông nhất thế giới, diện tích lớn thứ ba trên thế giới và có một nền văn hóa rất lâu đời. Gần đây Trung Quốc đã vươn lên mạnh mẽ trong công cuộc hiện đại hóa, cải cách mở cửa và đang trở thành một cường quốc cả về văn hóa, chính trị, kinh tế. Cuốn sách là công trình nghiên cứu của học giả người Mỹ, đề cập đến nhiều mặt và lý giải ở nhiều cấp độ khác nhau về tình hình Trung Quốc cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai, về sự tác động của Trung Quốc lên sự cân bằng của cải và quyền lực toàn cầu trong thế kỷ XXI, đồng thời đưa ra những dự báo về một xã hội năng động và sáng tạo sẽ nhanh chóng trở thành một siêu cường theo mọi nghĩa – kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa nghệ thuật. Nội dung cuốn sách giúp bạn đọc phần nào hiểu được tương lai của Trung Quốc có tầm quan trọng như thế nào đối với thương mại, kinh tế và trật tự toàn cầu, cũng như có điều kiện kiểm nghiệm các suy đoán, kết luận của người Mỹ về đất nước Trung Quốc – sẽ trở thành một siêu cường chưa hề có trước kia trong lịch sử.

Ngoài lời nói đầu, lời dẫn, sách gồm 18 chương kết cấu trong 5 phần.

Phần I, Bên trong cuộc chiến tranh lạnh mới;

Phần II, Tiêu chuẩn của Trung Quốc;

Phần III, Lao xuống biển;

Phần IV, Bói rông;

Phần V, Vượt qua cuộc Chiến tranh Lạnh.

PHẠM VŨ

NGUYỄN HUY CẦN (chủ biên). **Ngôn ngữ học – Một số phương diện nghiên cứu liên ngành**. H.: Khoa học xã hội, 2008, 260 tr., Vb 45694.

Cuốn sách gồm 3 phần.

Phần I nêu một số phương diện nghiên cứu liên ngành trong ngôn ngữ học như: thần kinh ngôn ngữ học; sự rối nhiễu ngôn ngữ và chậm phát triển ngôn ngữ; việc tiến tới xây dựng một atlas ngôn ngữ dân tộc học ở Việt Nam; bản chất của giao tiếp quảng cáo và các nhân vật trong giao tiếp quảng cáo.

Ở phần II, Ngôn ngữ học với việc dạy và học tiếng, các tác giả phân tích thực trạng và một số giải pháp trong việc dạy và học ngoại ngữ; đưa ra một cái nhìn tổng quan về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và sơ lược tình hình giảng dạy ngoại ngữ ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời phân tích việc sử dụng các thông tin cảnh huống và tri thức nền vào dạy kỹ năng đọc hiểu cho người nước ngoài học tiếng Việt; dạy ngữ pháp tiếng Việt theo cách tiếp cận giao tiếp ứng dụng. Ngoài ra, các tác giả còn nêu một vài nhận xét, đánh giá về sự tiếp thu ngôn ngữ và phương pháp dạy tiếng mẹ đẻ cho học sinh.

Phần III khái quát về từ điển và từ điển học. Các tác giả phân tích lịch sử phát triển và vai trò sách công cụ ứng dụng của từ điển; làm rõ các loại hình từ điển và việc phân loại loại hình từ điển. Bên cạnh đó, các tác giả cũng đem đến cho bạn đọc những thông tin sơ lược về từ điển học Việt Nam với 3 thời kỳ trong lịch

sử biên soạn từ điển ở Việt Nam là: thời kỳ đầu của từ điển học thực hành, thời kỳ cuối thế kỷ XIX và thời kỳ từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

HOÀI PHÚC

ĐỖ TIẾN SÂM (chủ biên). **Vấn đề tam nông ở Trung Quốc (thực trạng và giải pháp)**. H.: Từ điển Bách khoa, 2008, 284tr., Vb 46220.

Trung Quốc là một nước lớn, dân số thuộc vùng nông thôn đông. Vì vậy, nông nghiệp-nông thôn-nông dân (tam nông) trở thành vấn đề cơ bản của cách mạng và xây dựng của Trung Quốc. Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng, có nhiều điểm tương đồng. Công cuộc cải cách ở Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam đều bắt đầu từ nông thôn. Trải qua 30 năm cải cách ở Trung Quốc và 22 năm đổi mới ở Việt Nam, hai nước đều đã đạt được những thành tựu nhất định khẳng định vai trò, vị trí của mình đối với quốc tế. Vì vậy, việc tìm hiểu, nghiên cứu về tam nông và xử lý vấn đề tam nông ở Trung Quốc vừa có ý nghĩa khoa học, vừa mang tính thực tiễn sâu sắc, góp phần gợi mở những kinh nghiệm mà Việt Nam có thể tham khảo. Sách gồm bốn chương.

Chương I giới thiệu những khái niệm có liên quan và quan điểm cơ bản của các thế hệ lãnh đạo Trung Quốc về “Tam nông”.

Chương II-IV tập trung làm rõ thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Trung Quốc hiện nay và những phương hướng, giải pháp cơ bản để xây dựng và phát triển “Tam nông” trong tương lai của Đảng và Chính phủ Trung Quốc.

Cuối sách là phần kết luận, tài liệu tham khảo và các phụ lục.

KHÁNH CHI